TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI
DNTU

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 22 (2026 - 2030)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **122**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 14 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 11 TC, tự chọn: 3 TC)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**11**			
QT70002	Kinh tế học	3	45	45	0
QT70052	Nhập môn quản trị kinh doanh	2	30	30	0
QT70003	Nguyên lý Quản trị	3	45	45	0
QT70004	Nguyên lý Marketing	3	45	45	0
TH70001	Tin học 1*	2	45	15	30
CB70411	Bơi lội *	1	30	0	30
Học phần tự chọn		**3**			
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71331	English 1	3	45	45	0
TQ71321	Chinese 1	3	45	45	0
HỌC KỲ 2: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 09 TC, tự chọn: 11 TC)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**

Học phần bắt buộc		**9**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
TH70002	Tin học 2*	2	60	0	60
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 *	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 *	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 *	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 *	2	60	0	60
Học phần tự chọn		**11**			
Học phần Cơ sở ngành (Chọn 2 trong 4 học phần)		**6**			
QT71002	Hành vi tổ chức	3	45	45	0
QT71001	Trách nhiệm xã hội	3	45	45	0
QT71046	Quản trị văn phòng	3	45	45	0
LH71016	Tổ chức sự kiện	3	30	30	0
Học phần kỹ năng (chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng Đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71332	English 2	3	45	45	0
TQ71322	Chinese 2	3	45	45	0
Giáo dục thể chất* (Chọn 1 trong 4 học phần)					

CB71412	Bóng đá *	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền *	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông *	1	30	0	30
CB71410	Pickleball *	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15 TC, tự chọn: 5 TC)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
QT70007	Quản trị marketing	3	60	30	30
KT70207	Kế toán quản trị	3	45	45	0
Học phần tự chọn		**5**			
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71333	English 3	3	45	45	0
TQ71323	Chinese 3	3	45	45	0
Khoa học xã hội và nhân văn (chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
CB71101	Môi trường và PTBV	2	30	30	0
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
Giáo dục thể chất* (Chọn 1 trong 3 học phần)					
CB71413	Fitness *	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ *	1	30	0	30

CB71414	Võ thuật *	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18 TC, tự chọn: 0 TC)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**18**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
QT70005	Pháp luật về kinh doanh	3	45	45	0
QT70009	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0
QT70010	Quản trị tài chính	3	60	30	30
QT70011	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	45	0
QT70039	Quản trị chất lượng	2	30	30	0
QT70048	Chuyển đổi số trong quản trị kinh doanh	2	30	30	0
Học phần tự chọn		**0**			
Học phần Ngoại ngữ* (Chọn 1 trong 2 học phần)					
TA71334	English for International Certification*	9	135	135	0
TQ71324	Chinese for International Certification*	9	135	135	0
HỌC KỲ 5: 17 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 17 TC, tự chọn: 0 TC)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**17**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
QT70006	Phân tích định lượng trong kinh tế	2	45	15	30
QT70038	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	30	30	0
QT70008	Quản trị chiến lược	3	45	45	0
QT70012	Quản trị dự án	3	60	30	30

QT70013	Quản trị vận hành	3	60	30	30
QT70049	Nghiệp vụ ngoại thương	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 23 Tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 2 TC, tự chọn: 21 TC)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**2**			
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
Học phần tự chọn: Chọn 1/3 chuyên ngành		**21**			
Chuyên ngành Quản trị Marketing		**21**			
QT71008	Quan hệ công chúng và truyền thông	3	60	30	30
QT71010	Quản trị quan hệ khách hàng	3	60	30	30
QT71007	Digital Marketing	3	60	30	30
QT71009	Quản trị bán hàng	3	60	30	30
QT71035	Đàm phán trong kinh doanh	3	45	45	0
QT71032	Hành vi khách hàng	3	45	45	0
QT71049	Nghiên cứu Marketing	3	45	45	0
Chuyên ngành Quản trị nhân sự		**21**			
QT71014	Tuyển dụng và đào tạo	3	60	30	30
QT71015	Quan hệ lao động trong tổ chức	3	60	30	30
QT71016	Quản trị tiền lương và phúc lợi	3	60	30	30
QT71053	Phân tích thị trường lao động	3	60	30	30
QT71054	Bảo hiểm xã hội	3	45	45	0
QT71055	Quản trị chế độ và chính sách	3	45	45	0
QT71036	Khoa học và nghệ thuật lãnh đạo	3	45	45	0

Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Quốc tế		**21**			
QT71056	Marketing quốc tế	3	60	30	30
QT71057	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	60	30	30
TC70212	Thanh toán quốc tế	3	60	30	30
QT71058	Kinh doanh quốc tế	3	60	30	30
QT71059	Kinh tế đối ngoại	3	45	45	0
QT71060	Kinh tế quốc tế	3	45	45	0
QT71061	Luật thương mại quốc tế	3	45	45	0
HỌC KỲ 7: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4 TC, tự chọn: 0 TC)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***4***			
QT70016	Thực tập tốt nghiệp	4	200	0	200
HỌC KỲ 8: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Khóa luận tốt nghiệp		***6***			
QT70040	Khóa luận tốt nghiệp	6	90	90	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***6***			
QT70041	Chuyên đề tốt nghiệp	3	45	45	0
QT70051	Khởi sự doanh nghiệp	3	45	45	0